

ẢNH HƯỞNG CỦA QUÁ TRÌNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN TỚI MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

LÊ THỊ THANH HÀ*

Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) nông nghiệp, nông thôn với những tiến bộ về khoa học kỹ thuật và công nghệ mới được ứng dụng vào quá trình sản xuất, nhằm ngăn chặn, giảm thiểu ô nhiễm, bảo vệ, cải thiện môi trường một cách có hiệu quả hơn. Tuy nhiên, bên cạnh những tác động tích cực mà quá trình này đem lại, còn có nhiều tác động tiêu cực, ảnh hưởng không nhỏ đến các mặt đời sống kinh tế - xã hội và đặc biệt là môi trường của nước ta hiện nay. Những ảnh hưởng tiêu cực của quá trình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn tới môi trường có thể khái quát trên một số mặt cơ bản sau:

1. Tác động của việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp

Trong những năm qua, để tiến hành chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa lớn, tăng năng suất cây trồng, vật nuôi..., đáp ứng yêu cầu của quá trình CNH, HĐH nông thôn, người nông dân đang sử dụng rất nhiều phân bón hóa học, thuốc trừ sâu, thuốc bảo vệ thực vật... Tình trạng đó đã làm cho 90% số sản phẩm nông nghiệp không an toàn, nhưng nguy hại hơn nữa là phân bón, thuốc bảo vệ thực vật hiện đang gây ô nhiễm môi trường nông thôn nghiêm trọng. Theo tính toán của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, hiệu suất sử dụng phân đạm mới chỉ đạt từ 30 - 45%, phân lân từ 40 - 45% và kali từ 40 - 45%, tùy theo

chất đất, giống cây trồng, phương pháp bón... Như vậy, còn 55 - 70% lượng đạm tương đương 1,8 triệu tấn ure, 55 - 60% lượng lân tương đương với khoảng 2 triệu tấn supe lân và 50 - 60% lượng kali tương đương với khoảng 340 nghìn tấn kali clorua được bón vào đất nhưng chưa được cây trồng hấp thụ, sử dụng. Xét về mặt kinh tế, hàng năm có khoảng 2/3 lượng phân bón cây trồng không hấp thụ hết, đồng nghĩa với việc 2/3 lượng tiền người nông dân bỏ ra mua phân bón bị lãng phí, với tổng thất thoát lên tới khoảng 30 nghìn tỷ đồng, tính theo giá phân bón năm 2008¹. Xét về mặt môi trường, trừ một phần các chất dinh dưỡng có trong phân bón được giữ lại cho vụ sau, còn lại phần lớn lượng phân bón bị rửa trôi hoặc bay hơi, đã làm ô nhiễm môi trường sản xuất nông nghiệp và môi trường sống của con người.

Việc sử dụng quá nhiều thuốc bảo vệ thực vật, thuốc kích thích tăng trưởng cho vật nuôi, cây trồng cũng đang gây ô nhiễm, ảnh hưởng đến môi trường sống. Hầu hết nông dân sử dụng hóa chất bảo vệ thực vật quá mức cho phép và đổ các bình phun hóa chất còn thừa vào các con sông, cống, rãnh, mương, hoặc phun vào cây trồng khác², làm tăng mức độ kháng thuốc ở một số loài sâu bệnh, tiêu diệt các loài côn trùng có ích, các loài động vật sống trên đồng ruộng như tôm, cua, cá, ếch, lươn,... làm suy giảm hệ sinh thái, đa dạng sinh học.

- Quá trình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn, tất yếu phải chuyển nền nông nghiệp độc canh sang nền nông nghiệp đa canh đi với hình

* Ths, Giảng viên chính, Viện Triết học, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh.

thành các vùng sản xuất tập trung, chuyên canh quy mô lớn. Song, một bài học mà hiện nay chúng ta đang phải trả giá do không tính toán cẩn thận cộng với sự quản lý lỏng lẻo của Nhà nước, chúng ta đã nhập các sinh vật lạ, nguy hiểm như: ốc bươu vàng, rắn hổ mang chúa, hải ly, cá kim cương, rùa tai đỏ, chim sáo đá xanh, cây trinh nữ đầm lầy, cây hoa ngũ sắc, cây bèo Nhật bản... về nuôi trồng với mục đích chuyển nền nông nghiệp độc canh sang đa canh, tăng hiệu quả kinh tế nông nghiệp, nhưng đã dẫn đến việc phá hoại động thực vật bản địa và gây ô nhiễm môi trường, suy giảm đa dạng sinh học, tác động tiêu cực đến sức khỏe của người dân.

Tiến hành CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn, tất yếu phải hình thành các vùng sản xuất tập trung, chuyên canh quy mô lớn, xây dựng và phát triển các khu công nghiệp xứng tầm. Vì vậy, nhiều nơi đã chặt phá rừng để hình thành các vùng sản xuất tập trung, quy mô lớn, cắt đất nông nghiệp để trồng cây công nghiệp, xây dựng các khu công nghiệp, khu chế xuất... Kết quả là đã biến nhiều vùng có sản lượng nông nghiệp cao, hệ sinh thái rừng tốt tươi, ổn định thành vùng hệ sinh thái bị đảo lộn, mất cân bằng, gây nên lũ lụt bất thường, sạt lở đất, hạn hán, biến đổi khí hậu... diễn ra thường xuyên trong những năm qua.

Để phát triển nền nông nghiệp hàng hóa, nông dân phải chuyển đổi cơ cấu kinh tế, hướng sản phẩm ra thị trường nên ngành chăn nuôi cũng phát triển, góp phần vào phát triển sản xuất, nâng cao đời sống vật chất cho nông dân. Nhưng do chăn nuôi nước ta còn mang nặng tính tự phát, nên hiện nay ngành chăn nuôi chủ yếu nằm phân tán trong khu dân cư. Những chất thải trong quá trình chăn nuôi, như phân, nước thải của động vật đang là tác nhân gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng ở nông thôn và luôn tiềm ẩn nguy cơ bùng phát dịch bệnh. Hàng năm, đàn vật nuôi ở nước ta thải vào môi trường khoảng 73 triệu tấn chất thải rắn (phân khô, thức ăn thừa) và 25 - 30 triệu m³ chất thải lỏng (phân lỏng,

nước tiểu và nước rửa chuồng trại). Trong đó, khoảng 50% lượng chất thải rắn, 80% chất thải lỏng xả thẳng ra môi trường không qua xử lý. Ước tính một tấn phân chuồng tươi sẽ phát thải vào không khí khoảng 0,24 tấn CO₂ thì với tổng khối chất thải nêu trên sẽ phát thải vào không khí 17,52 triệu tấn CO₂. Ước tính chăn nuôi gây ra 18% khí gây hiệu ứng nhà kính, làm cho nhiệt độ trái đất tăng lên trên toàn cầu, lớn hơn cả phần do giao thông vận tải gây ra.³

Để đẩy mạnh CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn, tất yếu chúng ta phải tiến hành điện khí hóa. Nhưng do không tính toán kỹ, nên Chính phủ đã phê duyệt xây dựng quá nhiều nhà máy thủy điện. Thực trạng này đang gây ra xung đột môi trường nghiêm trọng do phải chặt phá rừng, làm biến đổi dòng chảy của các con sông và di dời dân cư đã sống lâu đời trên vùng đất cần giải tỏa để làm thủy điện. Chẳng hạn, tỉnh Lâm Đồng đã xây dựng 25 công trình thủy điện vừa và nhỏ, làm mất trên 15.000 ha rừng tự nhiên để làm hồ chứa, kênh dẫn, đường giao thông và lưới truyền tải điện; tỉnh Bình Định, chỉ tính riêng 3 nhà máy thủy điện (Trà Xom, Vĩnh Sơn 2 và Vĩnh Sơn 3) đã làm mất 1.300 ha rừng tự nhiên⁴. Tại Gia Lai, nước sông Ba đang cạn kiệt do thủy điện An Khê chặn dòng, cộng với nước thải sinh hoạt và nước thải của các nhà máy trong khu vực đổ thẳng ra sông, biến sông Ba thành dòng sông "chết", làm ảnh hưởng tới 25 vạn dân trong khu vực, không có nước tưới tiêu, đồng ruộng bị khô hạn kéo dài. Đó là chưa kể tới chất lượng của các nhà máy thủy điện đang đe dọa sự sống của hàng vạn hộ dân vùng lân cận, như thủy điện Sông Tranh 2 hiện nay. Việc phát triển các dự án thủy điện ở nước ta hiện đang tác động tiêu cực tới môi trường và tiềm ẩn những nguy cơ không mang tính bền vững. Nếu chúng ta không kiên quyết khắc phục tình trạng phát triển nhà máy thủy điện ồ ạt như hiện nay, thì các công trình này không những không có khả năng phục vụ quá trình CNH, HĐH mà còn kìm hãm sự phát triển, do biến đổi khí hậu và ô nhiễm môi trường gây ra.

2. Tác động của việc phát triển các làng nghề tới môi trường

Việc phát triển các làng nghề truyền thống ở nông thôn sẽ cho phép mở rộng khả năng khai thác các tiềm lực kinh tế của từng địa phương và phù hợp với xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng CNH, HĐH. Sự phát triển ngành nghề và làng nghề sẽ phá thế thuần nông, tạo đà cho công nghiệp phát triển, thúc đẩy quá trình CNH, HĐH nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn. Theo đó, các làng nghề sẽ là cầu nối giữa nông nghiệp và công nghiệp, giữa nông thôn và thành thị, giữa truyền thống và hiện đại, là nấc thang phát triển quan trọng trong tiến trình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn.

Hiện cả nước ta có 3.355 làng nghề và làng có nghề, thu hút hơn 13 triệu lao động. Trong đó, khu vực đồng bằng sông Hồng là nơi tập trung đông các làng nghề, chiếm tới gần 50% tổng số làng nghề trong cả nước⁵. Sự phát triển các làng nghề đã đóng góp vào sự ổn định và phát triển kinh tế - xã hội nước ta trong những năm qua. Thế nhưng, bên cạnh mặt tích cực đó, các làng nghề còn nảy sinh nhiều vấn đề, trong đó ô nhiễm môi trường đang là vấn đề bức xúc nhất. Kết quả khảo sát 52 làng nghề, cho thấy 46% làng nghề bị ô nhiễm nặng, 27% ô nhiễm vừa, 27% ô nhiễm nhẹ. Điều này có nghĩa là 100% các làng nghề đang bị ô nhiễm môi trường ở các cấp độ khác nhau. Các loại hình làng nghề đang gây ô nhiễm, là những làng nghề chế biến lương thực, thực phẩm, làng nghề dệt, nhuộm, sơn, tạc, thuộc da; làng nghề tái chế chất thải kim loại, rác thải; làng nghề khai thác đá, vật liệu xây dựng; làng nghề gốm sứ, chế tác đồ gỗ, mỹ nghệ, sơn mài...

Nguyên nhân dẫn đến ô nhiễm môi trường làng nghề là do: Trình độ công nghệ và trang thiết bị phần lớn là lạc hậu (đa số được chế tạo từ những năm 1950 - 1960), chập vạ, thiếu đồng bộ; quy mô sản xuất tại các làng nghề nhỏ, phân tán, manh mún; người dân nông thôn chủ yếu vẫn sống lẫn trong các làng nghề, sản xuất tự

phát, không có quy hoạch, kế hoạch lâu dài; tài chính và vốn đầu tư thấp, cơ sở hạ tầng yếu kém. Đặc biệt, gần như 100% cơ sở sản xuất tại làng nghề không tuân thủ các quyết định thanh tra, cưỡng chế, không nộp phí bảo vệ môi trường, không có thủ tục, hồ sơ về môi trường và tại các địa phương không có cán bộ chuyên trách quản lý môi trường làng nghề. Nhận thức và ý thức trách nhiệm về bảo vệ môi trường của cộng đồng dân cư nông thôn còn rất hạn chế, hiệu quả quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường ở làng nghề chưa cao.

Các loại chất thải phát sinh từ hoạt động sản xuất làng nghề hầu hết đều chưa được xử lý, được xả thẳng ra môi trường, ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường đất, nước, không khí. Người dân sống ở khu vực làng nghề đang vừa là chủ thể, vừa là nạn nhân của tình trạng ô nhiễm môi trường. Tỷ lệ người dân ở các làng nghề mắc bệnh rất cao, đặc biệt là những người trực tiếp sản xuất do thường xuyên phải tiếp xúc với khói bụi, hoá chất. Hầu hết người dân ở các làng nghề bị mắc bệnh nghề nghiệp, nhưng tỷ lệ mắc bệnh nhiều nhất là hô hấp, chiếm 30,56%. Cá biệt, tại làng nghề chế biến chì phế liệu, tỷ lệ mắc bệnh này lên tới 56,6%⁶. Tuổi thọ trung bình ở các làng nghề thấp hơn các vùng khác 10 tuổi. Vì vậy, ô nhiễm môi trường ở các làng nghề đã đến mức báo động nghiêm trọng, nếu không có một cơ chế quản lý môi trường hữu hiệu trong những năm tới, chắc chắn làng nghề không thể tiếp tục phát triển được, khi chất thải nguy hại cứ thải ra môi trường như hiện nay.

3. Tác động của việc khai thác khoáng sản và chuyển đổi đất nông nghiệp

Trong những năm gần đây, cùng với sự nghiệp CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn và sự phát triển chung của cả nước, ngành công nghiệp khai thác mỏ đã và đang ngày càng chiếm vị trí quan trọng trong nền kinh tế, đóng góp tới 5,6% GDP. Tuy nhiên, bất cứ hình thức khai thác nào cũng dẫn đến sự suy thoái môi trường. Nghiêm

trọng hơn cả là hoạt động của các mỏ khai thác than, quặng và vật liệu xây dựng. Trong quá trình khai thác mỏ, con người đã làm thay đổi môi trường xung quanh, phá vỡ cân bằng sinh thái, gây ô nhiễm môi trường. Bên cạnh đó, công nghệ khai thác hiện nay chưa hợp lý, đặc biệt các mỏ kim loại và các khu mỏ đang khai thác hầu hết nằm ở vùng núi và trung du. Vì vậy, việc khai thác khoáng sản trước hết tác động đến rừng và đất rừng xung quanh vùng mỏ đều dẫn đến hệ động thực vật bị giảm về số lượng hoặc tuyệt chủng. Chẳng hạn, ô nhiễm môi trường ở vùng mỏ đã ở mức báo động như Mạo Khê, Uông Bí, Cẩm Phả... do phá huỷ hàng trăm km² rừng, tạo ra xói mòn, bồi lấp các sông suối. Trường hợp sạt lở bãi thải mỏ than Phấn Mễ (Thái Nguyên) ngày 15-4-2012 đã phần nào cho thấy tác hại kinh tế, chính trị, xã hội và môi trường của việc khai thác mỏ thiếu khoa học. Vấn đề khai thác bô-xít ở Tây Nguyên cũng đang gây tranh cãi vì ô nhiễm môi trường. Nước ta có khí hậu nhiệt đới, thường xuyên có những trận mưa rất lớn, nước vẫn có thể tràn qua đập, cuốn theo nó là bùn đỏ và những chất thải độc hại xuống vùng đất, sông, suối ở hạ du, gây ô nhiễm môi trường trên diện rộng. Tác hại của bùn đỏ còn có thể ảnh hưởng nghiêm trọng tới giống nòi của người Việt. Vì vậy, cần cân nhắc cẩn thận, tiến hành phân tích chi phí - lợi ích, đặc biệt là chi phí - lợi ích mở rộng (trong đó có tính đúng, tính đủ các lợi ích và thiệt hại đến môi trường tự nhiên, hệ sinh thái và xã hội) của cả chương trình, dự án.

Việc chuyển đổi đất nông nghiệp cũng đang gây ô nhiễm môi trường và xung đột môi trường. Nước ta hàng năm, có chục hàng ngàn hecta đất nông nghiệp được sử dụng cho công nghiệp, giải trí, dịch vụ. Tỉnh Hòa Bình, dự kiến cắt 450 ha rừng và đất nông nghiệp để làm sân golf thứ 2, trong đó có 15 ha đất nông nghiệp. Trong khi Chính phủ đã có quy định không lấy đất nông nghiệp để triển khai dự án sân golf, thì thực tế hầu hết sân golf được quy hoạch và cấp phép thuộc vùng đất bằng phẳng, nên nguy cơ chiếm

dụng đất nông nghiệp rất cao. Hưng Yên là tỉnh thuần nông, nhưng gần đây đã cho phép làm sân golf với 180 hecta tại "vựa lúa" của huyện Văn Giang, đang gây phản ứng gay gắt của người nông dân ở đây. Điều đáng nói hơn là, để có một sân golf đạt tiêu chuẩn, thì định kỳ phải có một lượng hóa chất khá lớn đổ xuống để trừ sâu bệnh gây hại, nấm mốc. Hóa chất đổ xuống trôi theo đường dẫn của nước tưới, nước mưa và hòa tan xuống tầng nước ngầm, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng cho các con sông, suối và các vùng dân cư lân cận.

Việc phát triển các khu công nghiệp, khu chế xuất cũng đang gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng cho các vùng nông thôn. Theo khảo sát của Bộ Tài nguyên và Môi trường, có 70% các khu công nghiệp, khu chế xuất hiện nay chưa có hoặc không hoạt động hệ thống xử lý chất thải. Nhiều con sông đã bị đầu độc bởi nước thải, chất thải của các khu công nghiệp, như: sông Thị Vải, sông Nhuệ, sông Đáy, sông Cầu,... đã minh chứng rất rõ ảnh hưởng của các khu công nghiệp tới môi trường nông thôn hiện nay.

Tóm lại, ô nhiễm môi trường do quá trình CNH, HĐH nói chung và CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn nói riêng, đang ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của con người. Các nhà y học thế giới cho rằng 80% các loại bệnh tật của con người hiện nay đều có nguyên nhân từ ô nhiễm môi trường. Theo đánh giá của Ngân hàng Thế giới, Việt Nam phải chịu tổn thất do ô nhiễm môi trường lên tới 5,5% GDP hàng năm. Như vậy, nền kinh tế mất khoảng 3,9 tỷ USD của GDP trong năm 2007, và khoảng 4,2 tỷ USD trong năm 2008. Do nước bị ô nhiễm, trong vòng 4 năm qua, có 6 triệu người Việt Nam bị mắc bệnh và số tiền chữa trị lên đến 400 tỷ đồng⁷. Trước tình hình ô nhiễm môi trường nghiêm trọng diễn ra ở mọi nơi trên đất nước ta, đặc biệt là ở nông thôn, đòi hỏi phải có sự nhìn nhận, đánh giá khoa học, đúng mức về những tác động tiêu cực của quá trình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn tới môi trường.

Để bảo vệ môi trường nông thôn trong quá trình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn ở nước ta hiện nay, cần tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với vấn đề bảo vệ môi trường trong quá trình CNH, HĐH đất nước; nâng cao nhận thức về vai trò của môi trường đối với sự sống cho các cấp lãnh đạo và toàn thể nhân dân. Nhà nước Việt Nam cần phải có chủ trương, chính sách và biện pháp hữu hiệu nhằm gắn liền quá trình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn với bảo vệ môi trường. Chính phủ phải là nhạc trưởng chỉ huy, liên kết gắn bó các địa phương, các lĩnh vực khác nhau trong khai thác và sử dụng nguồn tài nguyên để phát triển bền vững.

Về giải pháp cụ thể, trước mắt cần tập trung vào một số công việc sau:

Một là, ngăn chặn tình trạng nông dân sử dụng quá nhiều phân bón hóa học và thuốc bảo vệ thực vật. Để hạn chế ô nhiễm môi trường trong sản xuất nông nghiệp do sử dụng không hợp lý phân bón hóa học, thuốc bảo vệ thực vật, ngoài việc phải có hệ thống pháp luật và chế tài đủ mạnh về vấn đề này từ phía Nhà nước, còn cần phải có chế độ ưu đãi, hỗ trợ cho các chương trình sản xuất và ứng dụng các sản phẩm hữu cơ, vi sinh vào công tác sản xuất và phòng trừ sinh vật gây hại tài nguyên thực vật. Chọn lọc các loại phân hóa học, thuốc bảo vệ môi trường an toàn, phân giải nhanh trong môi trường. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học nhằm tìm ra chất trung hòa kim loại dư thừa trong phân hóa học và những giống kháng sâu bệnh. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ thực vật. Tăng cường công tác giáo dục tuyên truyền, phổ biến những tác hại do phân hóa học dư thừa và ô nhiễm thuốc bảo vệ thực vật gây ra trong sản xuất để góp phần làm giảm ô nhiễm môi trường. Nâng cao hiểu biết của người nông dân trong việc sử dụng phân hữu cơ, thuốc bảo vệ thực vật an toàn và có hiệu quả. Khi cần thiết phải dùng thì áp dụng nguyên

tắc “đúng thuốc, đúng lúc, đúng cách, đúng liều lượng và nồng độ”.

Hai là, ngăn chặn và cải thiện những nơi đã bị ô nhiễm môi trường do chăn nuôi. Đẩy mạnh công tác quy hoạch khu vực chăn nuôi có quy mô lớn và tập trung. Căn cứ vào định hướng phát triển ngành chăn nuôi, các địa phương cần có chính sách đất đai, định hướng quy hoạch các vùng chăn nuôi công nghiệp tập trung, trong đó, chú trọng chuyển diện tích canh tác kém hiệu quả, ở xa khu vực dân cư sang quỹ đất dành cho phát triển chăn nuôi. Đầu tư cơ sở hạ tầng ở các khu chăn nuôi tập trung, như xây dựng hệ thống điện, đường cần chú ý tới hệ thống cấp, thoát nước và khu chứa, xử lý chất thải. Khuyến khích người dân nên sử dụng các loại thực vật thủy sinh như bèo tây, ngổ tía, bèo ong... trên hệ thống kênh mương để làm sạch nước thải, nhờ các quá trình sinh học tự nhiên

Ba là, giải quyết triệt để tình trạng ô nhiễm môi trường ở các làng nghề. Trước mắt cần phân loại làng nghề, đánh giá mức độ ô nhiễm của làng nghề, rà soát lại các cơ sở sản xuất trong làng nghề. Cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường cần có kế hoạch cụ thể nhằm phổ biến các nội dung cơ bản của Luật bảo vệ môi trường và các nội dung cụ thể đối với ngành nghề tại địa phương tới các hộ sản xuất. Tổ chức đội bảo vệ môi trường từ cấp xã đến các làng nghề, hoạt động theo các quy định về môi trường do địa phương đề ra, trên cơ sở Luật bảo vệ môi trường của Nhà nước và thông báo cho các hộ sản xuất. Tiến hành thu lệ phí môi trường theo các hộ sản xuất. Kết hợp với các cơ quan quản lý nhà nước các cấp, tiến hành xử phạt hành chính đối với các vi phạm về môi trường theo quy định trong Luật bảo vệ môi trường; Tổ chức triển khai và kiểm soát chặt chẽ ứng dụng công nghệ môi trường ở địa phương. Buộc các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng phải đổi mới công nghệ sản xuất, hoặc đóng cửa không cho tiếp tục sản xuất. Tìm cách di chuyển làng nghề ra khỏi khu

vực dân cư, hoàn phục và cải tạo cảnh quan làng xã. Tăng cường công tác giáo dục cộng đồng nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, đặc biệt là các chủ sản xuất.

Bốn là, giải quyết triệt để tình trạng khai thác khoáng sản bừa bãi và cải thiện môi trường những nơi đã bị ô nhiễm môi trường do khai thác khoáng sản. Cần tăng cường kiểm tra, giám sát, ban hành và thực thi các văn bản pháp lý về khai thác tài nguyên thiên nhiên và môi trường. Đẩy mạnh công tác hậu kiểm sau khi phê duyệt, đánh giá tác động môi trường ở các khu khai thác khoáng sản. Xử lý nghiêm các đơn vị không chấp hành những quy định về bảo vệ môi trường. Tăng cường sự giám sát của cộng đồng và chú trọng công tác quản lý nhà nước ở các địa phương về khoáng sản. Ngành chức năng tiếp tục rà soát, bổ sung, cụ thể hóa quy hoạch thăm dò khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản. Xây dựng dự án đánh giá hiện trạng, biện pháp khắc phục môi trường tại các khu vực đã, đang khai thác khoáng sản.

Nhìn chung, trong 5 năm tới, cần phải bắt tay vào giải quyết ngay những vấn đề bức xúc này

nhằm nâng cao chất lượng sống cho nông dân nói riêng và nhân dân nói chung, góp phần vào việc giữ vững ổn định kinh tế, chính trị xã hội và phát triển bền vững. Nếu như nhà nước tập trung chỉ đạo, tập trung nhân lực, tài lực, vật lực cùng với sự tham gia nhiệt tình của người dân thì để giải quyết các vấn đề bức xúc về ô nhiễm môi trường dù có khó khăn, phức tạp đến mấy cũng sẽ thành công. □

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường: *Báo cáo môi trường quốc gia năm 2010*, website: <http://vea.gov.vn>, tr.10.
2. www.tinmoi.vn, 96% nông dân sử dụng hóa chất bảo vệ thực vật quá mức cho phép, ngày 8-3-2012.
3. Nguyễn Kim Đường (2011), *Ô nhiễm môi trường do chăn nuôi: hiện trạng và giải pháp khắc phục*, <http://www.vinhuni.edu.vn>, ngày 16-7-2011.
4. Bộ Tài nguyên và Môi trường: *Báo cáo môi trường quốc gia năm 2010*, website: <http://vea.gov.vn>, tr.21.
- 5, 6. An Khánh (2011), *Xử lý ô nhiễm làng nghề*, *Báo Thời nay*, ngày 7-7-2011, tr.1.
7. Bộ Tài nguyên và Môi trường: *Báo cáo môi trường quốc gia năm 2010*, website: <http://vea.gov.vn>.



Nghiên cứu thực
tế nông thôn mới
ở xã Quảng Lát -
Quảng Ninh (xem
bài trang chuyên
đề Môi trường &
Cuộc sống
số 11-2012)
Ảnh: THU HƯỜNG